

Số: 14/BC-XTT

Bà Điểm, ngày 14 tháng 01 năm 2026

## BÁO CÁO

### Báo cáo sơ kết học kỳ I. Năm học 2025-2026

#### I. Đặc điểm tình hình

##### 1. Cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV)

Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ chuyên môn					Ghi chú
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	
CBQL	03	02	03	0	0	0	0	
Giáo viên	111	83	11	98	2	0	0	
Nhân viên	20	15	0	6	2	2	10	
Tổng phụ trách đội	1	0	0	1	0	0	0	
Tổng	135	100	14	102	4	5	10	

##### 2. Học sinh

Khối lớp	Số HS đầu năm		Số HS chuyển đến		Số HS chuyển đi		Số HS bỏ học		Số HS hiện tại	
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
6	771	370					3	1	768	369
7	814	363	1	1	1		3	1	811	363
8	881	428			4	3			877	425
9	721	362			1	1	1		719	361
Tổng	3187	1523							3175	1518

Số học sinh bỏ học: 07 học sinh. Tỷ lệ: 0.66%

Nguyên nhân học sinh bỏ học:

Hoàn cảnh gia đình học sinh khó khăn (ba mẹ ly hôn, cháu sống với ông bà đa số đã lớn tuổi, không có thu nhập ổn định nên nghỉ học để đi làm – dù nhà trường tạo điều kiện về chi phí học tập....): 02 trường hợp

Bản thân học sinh học yếu, chán học, không muốn học tiếp: 01 trường hợp

Gia đình chuyển nơi cư trú và cho học sinh nghỉ ngang: 02 trường hợp

Học sinh bị bệnh không theo tiếp chương trình: 02 trường hợp.

## II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ học kỳ I năm học 2025-2026

### 1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, pháp luật

Trong năm học nhà trường đã chú trọng công tác quán triệt tư tưởng chính trị cho cán bộ, giáo viên và học sinh, nhất là tuyên truyền việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ đề của từng năm.

Tất cả học sinh được học tập nội quy, giáo dục pháp luật và thực hiện ký cam kết. Việc thực hiện thông qua các hoạt động dạy học chính khóa – dạy lồng ghép và tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, tuyên truyền của Đội TNTP...Cụ thể:

+ Giáo dục ATGT: đã tổ chức chuyên đề ATGT trường học; 100% học sinh, phụ huynh ký cam kết không vi phạm ATGT. Lồng ghép giáo dục ATGT vào bộ môn GDCD đã thực hiện 2 tiết/khối.

+ Tuyên truyền và đã tập huấn cho 100% học sinh về ứng xử văn hóa trong trường học, xây dựng trường học hạnh phúc; luật An ninh mạng năm 2018; luật Trẻ em; phòng chống tác hại của thuốc lá điện tử và các chất kích thích khác, ...

+ Tuyên truyền giáo dục đạo đức: 100% học sinh được học tập nội quy, giáo dục pháp luật. Hình thức tổ chức được thực hiện theo hình thức lồng ghép trong giảng dạy các bộ môn văn hóa.

100% đảng viên và cán bộ, giáo viên trong đơn vị nắm bắt được đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước, các văn bản quan trọng của ngành, nội quy của đơn vị, không vi phạm những điều đảng viên không được làm.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tuyên truyền về thực hiện luật ATGT, phổ biến các văn bản về dạy thêm học thêm, các văn bản về chế độ chính sách liên quan. Tuyên truyền, vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên không vi phạm chính sách dân số, không vi phạm đạo đức nhà giáo...

100% giáo viên đã được triển khai và thực hiện kế hoạch “Bình dân học vụ số”: đã tập huấn với công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ AI trong việc soạn giảng. 100% giáo viên tham gia BDTX về chuyển đổi số.

Chi bộ kết hợp Chi đoàn thực hiện “Không gian văn hóa Hồ Chí Minh” trên địa bàn xã Bà Điểm tại đơn vị.

Tuyên truyền, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các loại văn bản theo sự chỉ đạo của Đảng, của Nhà nước, của ngành đến 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên.

\*Tồn tại: Còn số ít học sinh có biểu hiện chưa chăm ngoan, chưa tích cực rèn luyện và vi phạm nội quy học sinh.

## 2. Thực hiện chương trình giáo dục

### 2.1. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường; Thực hiện hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Có 100% giáo viên giảng dạy tiếp tục được tập huấn, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Môn Khoa học tự nhiên và môn Lịch sử - Địa lý phân công 01 giáo viên giảng dạy/lớp.

Nhà trường tổ chức giảng dạy đủ các môn học theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh: thực hiện dạy lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng an ninh vào các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử - Địa lý, Giáo dục công dân, Nghệ thuật, ... Tập trung giáo dục tinh thần đoàn kết, yêu nước, tăng cường hiểu biết về phòng chống cháy nổ, an toàn cá nhân; pháp luật; quyền lợi, trách nhiệm của công dân.

Về đổi mới phương pháp dạy học: giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp thực tế và đối tượng học sinh. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tăng hoạt động hướng nghiên cứu bài học trong sinh hoạt chuyên môn hướng đến mục tiêu phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

Về kiểm tra đánh giá, xếp loại học sinh: nội dung kiểm tra, đánh giá thuộc phạm vi yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, được quy định tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021.

Tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá của bộ môn, có phân công thành viên chịu trách nhiệm biên soạn nội dung ôn tập kiểm tra định kỳ, có ngân hàng đề các môn.

Kết quả đạt được:

- Đảm bảo chương trình giảng dạy theo Kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Giáo viên đảm bảo về chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo môn học.
- Thực hiện đầy đủ các cột điểm, các bài kiểm tra theo quy định.

*Thuận lợi:*

- Giáo viên làm tốt các khâu trong thực hiện chương trình, từ khâu chọn sách giáo khoa đến khâu kiểm tra đánh giá theo thông tư mới.
- Giáo viên không còn bỡ ngỡ khi thực hiện; được tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng về chương trình, chuyên môn, sách giáo khoa.

*Khó khăn - Hạn chế:*

- Số giáo viên dạy thỉnh giảng khá nhiều nên khó khăn trong việc ổn định thời khóa biểu giảng dạy.

*Kiến nghị và giải pháp thực hiện:*

- Kịp thời tuyển dụng giáo viên đủ biên chế cho hiện tại và trong năm học tiếp theo.

- Dạy học phát triển năng lực: đẩy mạnh kỹ năng giải quyết tình huống, vận dụng linh hoạt bài học ra ngoài thực tế.

## **2.2.Các hoạt động giáo dục**

### **2.2.1 Chương trình giáo dục địa phương**

Hoạt động GDĐP: thực hiện theo PPCT giáo dục phổ thông 2018 khối 6, 7, 8, 9 dạy 1 tiết/tuần.

Tài liệu giảng dạy do giáo viên tự biên soạn theo định hướng của Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM (có thay đổi nội dung cho phù hợp sau sáp nhập đơn vị hành chính từ ngày 01/7/2025) và theo chương trình GDPT 2018.

### **2.2.2 Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

Thực hiện chương trình 3 tiết/tuần (SHDC, SHCN, SH theo chủ đề): dạy đúng, đủ số tiết theo chương trình GDPT 2018 ở khối 6,7, 8, 9.

Tổ chức cho 646 học sinh khối 6,7 và 34 giáo viên tham quan học tập ngoại khóa tại khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi và đền Bến Dược vào ngày 10/01/2026; học sinh khối 8 (đội nông cốt) dâng hương tại khu Di tích lịch sử cấp Quốc gia Ngã Ba Giồng nhân kỷ niệm ngày Nam Kỳ khởi nghĩa.

\*Đánh giá chung: tập thể cán bộ, giáo viên và học sinh đã thực hiện đúng và đủ chương trình giáo dục nghiêm túc, đúng tiến độ và đạt được kết quả nhất định.

## **3. Triển khai thực hiện các Đề án**

### **3.1.Đề án Ngoại ngữ**

Giảng dạy tiếng Anh tăng cường: không có

Giảng dạy tiếng Anh với giáo viên bản ngữ: Liên kết với Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Mecurry Education và Trung tâm Anh ngữ Âu-Mỹ-Úc thực hiện cho 19 lớp 8 và 17 lớp 9 với 1602 học sinh tham gia.

Thuận lợi: Đa số phụ huynh đồng thuận và cho học sinh tham gia chương trình.

Khó khăn: Một số học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa mạnh dạn tham gia chương trình.

### **3.2. Đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế Giai đoạn 2021 – 2030**

Hình thức tổ chức: Nhà trường phối hợp với Công ty TNHH tư vấn và Đào tạo Đại Dương triển khai mô hình tin học quốc tế áp dụng cho học sinh khối 6, 7, 8.

<b>Khối lớp</b>	<b>Thời lượng</b>	<b>Chương trình</b>
6 (771 HS)	60 tiết	- 60 tiết tin học Quốc Tế: IC3 GS6 - Cấp độ 1 do GV Tin học của Công ty TNHH tư vấn và Đào tạo Đại Dương giảng dạy.
7 (814 HS)	60 tiết	- 60 tiết tin học Quốc Tế: IC3 GS6 - Cấp độ 2 do GV Tin học của Công ty TNHH tư vấn và Đào tạo Đại Dương giảng dạy.
8 ( 33 HS)	60 tiết	- 60 tiết tin học Quốc Tế: IC3 GS6 - Cấp độ 2 do GV Tin học của Công ty TNHH tư vấn và Đào tạo Đại Dương giảng dạy.

Thuận lợi: Đa số phụ huynh đồng thuận và cho học sinh tham gia chương trình.

Khó khăn: Một số học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa mạnh dạn tham gia chương trình.

### **3.3. Đề án giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020-2030**

Duy trì hoạt động công thông tin của trường, kiểm tra trang Website thường xuyên, nhất là thực hiện đưa bài ghi theo từng tháng, thực hiện 3 công khai.

Phân công nhân sự phụ trách công nghệ thông tin.

Khai thác công nghệ thông tin để giảng dạy và quản lý, hiệu quả đạt được.

Cơ sở hạ tầng: có 3 đường truyền internet; công thông tin điện tử của trường được kết nối công thông tin của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các thông tin hoạt động của nhà trường trên công thông tin được cập nhật thường xuyên.

Việc triển khai hồ sơ điện tử: Sổ đầu bài; Sổ chủ nhiệm; Sổ theo dõi và đánh giá học sinh cấp THCS; Hồ sơ học sinh; Sổ ghi điểm; Học bạ; kết quả học tập, kết quả rèn luyện, ... được liên thông và quản lý đồng bộ.

Việc xây dựng trường học thông minh và lớp học thông minh: chưa thực hiện

Việc xây dựng Thư viện thông minh: chưa thực hiện.

Thuận lợi: Đội ngũ nhiệt tình trong việc thực hiện đề án.

Khó khăn: Cơ sở vật chất chưa đáp ứng đủ.

### **3.4.Đề án thanh toán không sử dụng tiền mặt trong trường học**

- Hình thức tổ chức: thông qua các kênh thu hộ SSC, chuyển khoản.
- Kết quả: đạt 71% phụ huynh thanh toán các khoản phí không dùng tiền mặt.

## **4. Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn; đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

Các tổ chuyên môn sinh hoạt 2 tuần/lần, chú trọng sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, tìm các giải pháp để nâng cao chất lượng; tổ chức thao giảng theo nghiên cứu bài học (đảm bảo tối thiểu 2 tiết/HK) và báo cáo chuyên đề; điều chỉnh chương trình dạy học theo quy định; đổi mới ra đề kiểm tra (giảm học thuộc lòng, tăng vận dụng, gắn với thực tiễn, vận dụng các kiến thức đã học giải quyết các vấn đề trong thực tế ...); chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện chương trình. Sử dụng đa dạng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tăng cường học tập trải nghiệm, sử dụng phần mềm trong dạy học, hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, tăng cường tổ chức cho học sinh học tập, làm việc, thực hành theo nhóm.

Thực hiện tiết thao giảng, chuyên đề theo kế hoạch đề ra trong năm học ở các tổ bộ môn. Trong học kì 1, số tiết thao giảng, chuyên đề cấp trường: 24 tiết thao giảng và 04 chuyên đề.

Nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn: giáo viên sinh hoạt tập trung vào ngày chuyên môn 2 tuần/lần theo quy định.

Tình hình đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học: Giáo viên tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT trong dạy học tăng cường tiết học thực hành, trải nghiệm cho học sinh. Giáo viên tham gia khóa học bồi dưỡng chương trình GDPT 2018 đầy đủ, vận dụng phù hợp vào công tác nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

## **5. Tổ chức giảng dạy theo định hướng giáo dục STEM**

Giáo viên bộ môn tổ chức giáo dục Stem lồng ghép trong tiết học với nhiều hoạt động phù hợp, tích hợp kiến thức liên môn tạo sân chơi cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường đã liên kết với Công ty TNHH tư vấn và Đào tạo giáo dục Sài Gòn tổ chức giảng dạy STEM cho học sinh khối 6 với 771 HS tham gia.

Giáo viên tham gia hội thi thiết kế chủ đề dạy học Stem ở bộ môn Toán học và KHTN (Nhà nổi chống lũ lụt; Thiết kế và chế tạo hộp lưu trữ mô hình hình học).

## **6. Công tác giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập**

Số học sinh học hòa nhập là 18 học sinh bao gồm 16 học sinh nam, 02 học sinh nữ; trong đó có 01 học sinh khối 6; 05 học sinh khối 7; 09 học sinh khối 8; 03 học sinh khối 9.

Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh:

+ Về học tập: Tốt: 04; Khá: 09; Đạt: 04; Chưa đạt: 01.

+ Về rèn luyện: 15 Tốt; 03 Khá.

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh hòa nhập khuyết tật riêng phù hợp với khả năng học sinh; hỗ trợ các em trong học tập; khuyến khích các em tham gia các hoạt động tại trường; đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư đánh giá xếp loại học sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện chế độ chính sách cho học sinh và cho giáo viên giảng dạy theo quy định.

### **7. Công tác hướng nghiệp và học nghề**

Đã phối hợp với trường Trung cấp Bách khoa Sài Gòn, Thanh niên Xung phong, ... tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho HS khối 9 với 721 HS tham gia.

Nhà trường đã tổ chức giảng dạy bộ môn “Định hướng nghề nghiệp” với thời lượng 1 tiết/tuần cho 721 học sinh khối 9.

\*Đánh giá chung: tập thể cán bộ, giáo viên và học sinh đã thực hiện đúng và đủ chương trình giáo dục nghiêm túc, đúng tiến độ.

### **8. Công tác phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi**

Thực hiện công tác phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu về năng lực ở bộ môn Toán, Tiếng Anh trước thời gian kiểm tra học kỳ. Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn chủ động thời gian phụ đạo cho học sinh lớp phụ trách góp phần nâng cao tỷ lệ bộ môn.

Về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi: được sự quan tâm của tập thể nhà trường trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Các em tích cực tham gia các hội thi phong trào do ngành phát động. Học sinh toàn trường đã đạt một số kết quả nhất định, thành tích được nâng lên hàng năm. Cụ thể: đạt 05 HS giỏi giải toán bằng máy tính cầm tay cấp xã, 26 HS giỏi cấp xã các bộ môn: Toán, Ngữ văn, LS – ĐL, KHTN, Tiếng Anh. Tuy nhiên, số học sinh tham gia chưa nhiều và thời gian thực hiện bồi dưỡng học sinh chưa xuyên suốt trong năm học.

Phương hướng khắc phục hạn chế: nhà trường tạo điều kiện, quan tâm, khuyến khích học sinh tham gia các hội thi, vừa để học sinh có sân chơi vừa phát huy được năng lực, năng khiếu của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Bồi dưỡng đội ngũ học sinh giỏi lâu dài theo hướng tăng tính liên thông kết nối qua nhiều năm học để tạo nền tảng vững chắc cho học sinh.

### **9. Công tác thiết bị, thí nghiệm thực hành**

Số lượng thiết bị giáo viên tự làm có chất lượng: đa số giáo viên thiết kế Kế hoạch bài dạy bằng Powerpoint, có sử dụng các phần mềm ứng dụng AI trong

công tác soạn giảng và đăng tải lên trang "Học liệu số" để làm tư liệu sử dụng chung cho toàn ngành.

Tình hình sử dụng, quản lý, bảo quản trang thiết bị: Tốt

Có các phòng bộ môn: 03 phòng thực hành thí nghiệm Khoa học tự nhiên và 05 phòng máy thực hành Tin học.

Tình hình tổ chức thí nghiệm thực hành của từng bộ môn theo quy định (môn, số tiết thực hiện, có lưu hồ sơ)

### **10. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên**

100% giáo viên bộ môn học tập chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo đúng thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM.

Bồi dưỡng, tập huấn để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018: 100% giáo viên đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để dạy các môn tích hợp: KHTN và LS – ĐL.

Bồi dưỡng khác: 03 giáo viên đang học chương trình Cao học. Kinh phí: cá nhân tự chi trả

### **11. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa tại trường, hoạt động của các câu lạc bộ, dạy kỹ năng sống**

#### 11.1 Hoạt động ngoại khóa

Tuyên truyền về An toàn giao thông đường bộ theo Nghị định 168, đủ tuổi đi xe gắn máy, đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông với 3175 HS tham gia.

Tìm hiểu về lịch sử địa phương sinh khối 6, 7 với 646 HS tham gia.

11.2 Số lượng, tên câu lạc bộ, hình thức sinh hoạt, kinh phí, đánh giá hiệu quả hoạt động, thuận lợi, khó khăn.

CLB TDTT bóng đá, cầu lông với 40 HS tham gia, kinh phí hoạt động chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.

CLB Ngữ Văn, Tiếng Anh với 100 HS tham gia, kinh phí hoạt động chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.

\*Đánh giá chung: Thầy và trò thực hiện việc tập luyện, thi đấu nghiêm túc.

#### 11.3 Dạy kỹ năng sống

Liên kết với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA dạy chương trình Kỹ năng sống cho 71 lớp với 3187 học sinh tham gia (1 tiết/lớp /tuần)

Các chuyên đề đã thực hiện:

Tác hại của rượu bia thuốc lá và các chất kích thích khác; Sử dụng mạng xã hội an toàn; Phòng, chống ma túy và hưởng ứng tháng cao điểm An toàn giao thông cho học sinh đến trường; Xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường, bạo lực trên không gian mạng; Tuyên truyền phòng, chống bệnh sốt xuất huyết; Hưởng ứng 35 năm Việt Nam ứng phó với HIV/AIDS và Ngày thế giới

phòng, chống AIDS 01/12; Truyền thông giáo dục sức khỏe với chủ đề: tầm quan trọng của việc tiêm ngừa vaccine cho học sinh; Quy định về quản lí và sử dụng pháo; phòng, chống cháy nổ; Phòng, chống bạo lực gia đình.

Phối hợp Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA tổ chức chuyên đề “Giá trị yêu thương” vào ngày 20/10/2025 với sự tham gia của 1535 học sinh khối 7,9

## **12. Tham gia các cuộc thi, kỳ thi cấp xã, cấp thành phố, cấp quốc gia, cấp khu vực và quốc tế**

### - Cấp xã

- + Học sinh giỏi giải toán bằng MTCT: có 05 HS đạt
- + Học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9: 26 HS đạt.
- + Giải Nhất hội thi thiết kế logo xã Bà Điểm: 1 giáo viên
- + Giải Nhất hội thi trực tuyến ”Tìm hiểu pháp luật” : 1 giáo viên

### - Cấp Thành phố:

Đề tài nghiên cứu khoa học: Chế tạo mô hình giàn phơi đồ thông minh – được vào vòng tuyển chọn đề tài cấp Quốc gia: 1 giáo viên hướng dẫn và 2 học sinh

## **13. Công tác xã hội hóa**

Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động các mạnh thường quân khen thưởng học sinh đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu nổi bật trong năm (nếu có).

## **14. Công tác y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm**

Kết hợp Phòng khám Đa khoa 118 – Phường Đông Hưng Thuận – TPHCM khám sức khỏe cho CB-GV-NV và học sinh nhà trường:

+ Học sinh: khám sức khỏe cho học sinh các bệnh về mắt, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì và tình trạng suy dinh dưỡng với số lượng: 3175/3175; tỷ lệ: 100%.

+ Cán bộ, giáo viên, nhân viên: Khám tổng quát; chụp X. Quang; Xét nghiệm máu: Định lượng Glucose máu, định lượng Ure máu; định lượng Creatinin máu, Đo hoạt độ ALT (SGOT), Đo hoạt độ ALT (GSPT) máu, XN nước tiểu; Số lượng: 122/122 tỷ lệ: 100%.

100% HS được cấp thẻ BHYT miễn phí

Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm, căn tin, bếp ăn bán trú.

Căn tin được cấp giấy chứng nhận Đủ điều kiện an toàn thực phẩm số: 220243100021, ngày 16/09/2024, Nơi cấp: Công ty cổ phần giám định Quốc tế EFC.

Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm căn tin: tự kiểm tra hàng tháng (tháng 9, 10,11,12/2025 kèm biên bản).

Tình hình dịch bệnh: báo cáo hàng ngày tình hình dịch bệnh cho trạm Y tế xã Bà Điểm (tháng 09/2025 đến tháng 12/2025: Bệnh Sốt xuất huyết: 12 ca, xử lý đúng quy định).

Nhà trường không có lớp bán trú.

### **15. Công tác thư viện**

Cơ sở vật chất, nhân sự phụ trách: Huỳnh Thị Kim Loan

Số đầu sách: 13.106 (tính đến 12/2025)

Các hoạt động của thư viện:

Lập kế hoạch hoạt động thư viện và thực hiện các báo cáo tháng cho trường theo quy định;

Phối hợp chính quyền, đoàn thể để thực hiện việc điều tra – kiểm tra tình hình học sinh trang bị sách giáo khoa, sách tham khảo theo yêu cầu;

Nhận và thanh toán các loại ấn phẩm dùng cho trường học, thư viện;

Tổ chức giới thiệu thư viện cho học sinh đầu cấp; Phát động phong trào đọc sách trong học sinh.

Dự trù kinh phí và thực hiện bổ sung sách, tài liệu pháp luật – biển đảo, tài liệu phục vụ bồi dưỡng thường xuyên, báo-tạp chí theo yêu cầu của ngành, nhà trường.

Tiếp tục thực hiện biên mục sách trên phần mềm Quảng Ích từ tháng 10/2023.

Tham gia các hoạt động phong trào mừng các ngày lễ lớn trong năm.

Sưu tập tư liệu từ sách báo, Internet... phục vụ cho bạn đọc.

Kế hoạch trang bị sách giáo khoa CTGDPT 2018: Trang bị sách giáo khoa, sách nghiệp vụ theo tình hình thực tế của trường và chỉ đạo của cấp trên.

### **16. Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh thường xuyên, định kỳ**

Xây dựng Kế hoạch 235/KH-XTT ngày 08 tháng 9 năm 2025 về kiểm tra đánh giá học sinh từ đầu năm học. Tổ chức kiểm tra tập trung giữa kỳ bộ môn Toán học, Tiếng Anh cho 4 khối lớp theo đề chung của trường. Các bài kiểm tra giữa kỳ khác theo thống nhất về thời gian trong phân phối chương trình bộ môn. Nội dung kiểm tra được thảo luận để thống nhất trong tổ chuyên môn hoặc được tham vấn chuyên môn từ mạng lưới chuyên môn huyện. Xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ làm cơ sở cho việc ra đề kiểm tra hợp lý, khoa học.

Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra cuối kỳ theo Kế hoạch kiểm tra của nhà trường trong học kỳ.

Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra theo văn bản, đảm bảo công bằng, minh bạch, khách quan, bám sát thực tế, phản ánh được chất lượng giáo dục hiện tại của nhà trường.

Việc đánh giá học sinh bằng điểm số và nhận xét: thực hiện đầy đủ các cột điểm bộ môn theo quy định, nhập điểm đúng hạn, thường xuyên rà soát, theo dõi tránh sai sót về kết quả đánh giá học sinh.

Tổ bộ môn định hướng ma trận đề kiểm tra cuối kỳ. Căn cứ tình hình thực tế của lớp, giáo viên xây dựng ma trận đề đảm bảo các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

## **17. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của Ngành GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030**

### **17.1. Về cơ sở vật chất**

Đường truyền internet tốc độ cao: số lượng: 03 (trong đó Viettel: 02; VNPT: 01)

Số lượng máy tính đảm bảo cấu hình theo quy định phục vụ giảng dạy: 230 máy.

Số lượng máy tính, thiết bị thu phát tín hiệu cần thiết: 05

Phòng học tương tác thông minh: chưa có

Phòng thí nghiệm thực hành hiện đại: chưa có

### **17.2. Đưa dạy và học trên môi trường số**

Xây dựng kho học liệu số: Có

Xây dựng thư viện số: chưa có

Tổ chức dạy học trực tuyến LMS (35%): Thực hiện học liệu số

Tham gia tập huấn trực tuyến:

Tổ chức tập huấn “Số đầu bài số” vào ngày 24/10/2025

Tổ chức tập huấn “Phát triển năng lực số cho học sinh” vào ngày 04/11/2025 và 11/11/2025

### **17.3. Quản lý điều hành dựa trên công nghệ số và dữ liệu**

Số học sinh đã cập nhật mã định danh trên hệ thống dữ liệu: 3175, tỷ lệ 100%.

Dữ liệu học sinh và giáo viên được cập nhật đầy đủ, chính xác, đảm bảo tiêu chí “đủ, sạch, sống” và tin cậy: 100%

Các loại hồ sơ của đơn vị được thực hiện giao dịch, giải quyết trên môi trường số: tài chính

Các đối tượng trong đơn vị đã sử dụng chữ ký số: Cán bộ quản lý và giáo viên.

#### **17.4. Về dịch vụ hỗ trợ người học và người dân**

Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã triển khai: thanh toán học phí qua SSC, qua tài khoản trường. Tỷ lệ phụ huynh học sinh tham gia: 71%

Việc thực hiện xác định tọa độ địa lý của đơn vị để đưa lên hệ thống Thông tin địa lý giáo dục (GIS) của thành phố: đã thực hiện

#### **18. Xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, xây dựng cảnh quan môi trường**

Sửa chữa, nâng cấp mới 03 phòng học.

Cây xanh được tỉa gọn, đảm bảo an toàn và đảm bảo mảng xanh.

Công tác phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên, bình chữa cháy được nạp theo đúng thời gian quy định.

Gia cố các cổng, tường rào của trường và trồng nhiều cây xanh trong sân trường.

#### **19. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

Triển khai các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo về phổ cập giáo dục tại trường.

Đầu năm học, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm các lớp rà soát học sinh không ra lớp để vận động học sinh tiếp tục học.

Huy động học sinh đầu cấp ra lớp 100%.

Thường xuyên theo dõi tình hình tăng giảm học sinh các lớp qua từng tháng để liên hệ kịp thời với phụ huynh các trường hợp học sinh vắng nghỉ liên tục từ 03 ngày trở lên.

Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong vận động học sinh có nguy cơ nghỉ bỏ học quay trở lại trường lớp; phối hợp giáo viên bộ môn hỗ trợ, phụ đạo, giúp đỡ học sinh chưa đạt yêu cầu tiến bộ hơn trong học tập.

Phối hợp với phổ cập xã, phổ cập trường bạn để giúp đỡ học sinh duy trì việc học

Báo cáo kết quả duy trì sĩ số các lớp, thống kê học sinh nghỉ bỏ học cho lãnh đạo nhà trường, các cấp lãnh đạo.

Phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra trong năm học về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ như duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp 100%, giảm tỷ lệ học sinh nghỉ bỏ học và nâng cao hiệu suất đào tạo.

#### **20. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục**

Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài năm 2022, đạt mức độ 1.

Việc xây dựng kế hoạch cải thiện chất lượng các tiêu chí sau đánh giá ngoài thực hiện thường xuyên và theo hướng dẫn của lãnh đạo cấp trên.

Thực hiện báo cáo tự đánh giá hằng năm theo quy định.

## 21. Kết quả rèn luyện và kết quả học tập

Kết quả học tập

Khối	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Đạt yêu cầu	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
6	768	421	54,8	213	27,7	106	13,8	28	3,6	740	96,4
7	811	362	44,6	241	29,7	160	19,7	48	5,9	763	94,1
8	877	406	46,3	309	35,2	137	15,6	25	2,9	852	97,1
9	719	384	53,4	236	32,8	84	11,7	15	2,1	704	97,9
<b>Tổng</b>	<b>3175</b>	<b>1573</b>	<b>49,5</b>	<b>999</b>	<b>31,5</b>	<b>487</b>	<b>15,3</b>	<b>116</b>	<b>3,7</b>	<b>3059</b>	<b>96,3</b>

Kết quả rèn luyện

Khối	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Đạt yêu cầu	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
6	768	719	93,6	44	5,7	4	0,5	1	0,1	767	99,9
7	811	662	81,6	128	15,8	21	2,6			811	100
8	877	749	85,4	94	10,7	30	3,4	4	0,5	873	99,5
9	719	632	87,9	82	11,4	5	0,7			719	100
<b>Tổng</b>	<b>3175</b>	<b>2762</b>	<b>87,0</b>	<b>348</b>	<b>11,0</b>	<b>60</b>	<b>1,9</b>	<b>5</b>	<b>0,1</b>	<b>3170</b>	<b>99,8</b>

Nhận xét:

Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Nhận xét
Phẩm chất	100%	99,8%	<b>Giảm 0,2%</b>
Năng lực	94,93%	96,3%	<b>Tăng 1,37%</b>

### III. Nhận xét, đánh giá chung

#### 1. Mặt làm được

Triển khai kịp thời các nội dung của Sở giáo dục về tập huấn chuyên môn nghiệp vụ đến cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra hoạt động dạy và học của giáo viên (dự giờ, thao giảng, kiểm tra hồ sơ sổ sách...).

Chuyên môn và tổ chuyên môn thực hiện tốt công tác xây dựng, triển khai và thực hiện kế hoạch.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được thực hiện xuyên suốt trong học kỳ.

Tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên đảm bảo tốt các loại hồ sơ sổ sách. Chú trọng xây dựng lại phân phối chương trình và đổi mới về phương pháp giảng dạy học.

Tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên phần lớn có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tự giác trong công việc. Đội ngũ đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn cao, phần lớn là trẻ tuổi, yêu nghề, tâm huyết với nghề nghiệp.

Tập thể lãnh đạo đoàn kết, thống nhất trong mọi công việc.

Chỉ đạo mang tính khoa học, thực hiện các công việc mang tính triệt để.

## **2. Mặt hạn chế**

Vẫn còn học sinh vi phạm nội quy nhà trường.

Tỷ lệ cha mẹ học sinh thanh toán tiền qua SSC, chuyển khoản qua tài khoản trường có tăng nhưng chưa đạt yêu cầu.

Công tác phụ đạo học sinh còn chưa thường xuyên.

Chất lượng giáo dục hai mặt chưa đạt chỉ tiêu (mặt kết quả rèn luyện)

## **3. Nguyên nhân hạn chế (chủ quan, khách quan)**

Chưa đôn đốc giáo viên nói chung, giáo viên chủ nhiệm nói riêng liên hệ thường xuyên với gia đình học sinh để kết hợp giáo dục học sinh chưa ngoan.

## **4. Hướng khắc phục hạn chế**

Giáo viên chủ nhiệm bám lớp, thăm hỏi nắm tình hình của từng học sinh, có biện pháp giúp đỡ kịp thời những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh yếu kém.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh, nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của học sinh.

## **IV. Phương hướng nhiệm vụ HKII năm học 2025-2026**

Dạy theo thời khóa biểu mới: Đúng PPCT

Dạy học theo chương trình GDPT 2018: Khối 6,7,8,9

Phấn đấu đạt 100% cha mẹ học sinh thanh toán tiền qua SSC, chuyển khoản qua tài khoản trường.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các cuộc vận động lớn của ngành.

Xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vững vàng để có đủ khả năng quản lý nhà trường.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, làm tốt công tác tuyên truyền sâu rộng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục.

Tiếp tục đổi mới quản lý giáo dục, tăng cường kỷ cương nề nếp trong các hoạt động.

Làm tốt công tác thi đua nhằm thúc đẩy các hoạt động nhà trường.

Trên đây là Báo cáo sơ kết HKI năm học 2025-2026 của Trường THCS Xuân Thới Thượng./.

**Nơi nhận:**

- Phòng VHXXH;
- CBQL;
- TTCM;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Hiệp**



**TRƯỜNG THCS XUÂN THỚI THƯỢNG**  
**NHẬP THÔNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN**  
**NĂM HỌC**

**HỌC KỲ I**  
**2025 - 2026**

ĐƠN VỊ	LOẠI	TSHS	TỐT		KHÁ		ĐẠT		ĐẠT YÊU CẦU		CHƯA ĐẠT	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
XUÂN THỚI THƯỢNG	KQ HỌC TẬP 6	768	421	54,8	213	27,7	106	13,8	740	96,4	28	3,6
XUÂN THỚI THƯỢNG	KQ HỌC TẬP 7	811	362	44,6	241	29,7	160	19,7	763	94,1	48	5,9
XUÂN THỚI THƯỢNG	KQ HỌC TẬP 8	877	406	46,3	309	35,2	137	15,6	852	97,1	25	2,9
XUÂN THỚI THƯỢNG	KQ HỌC TẬP 9	719	384	53,4	236	32,8	84	11,7	704	97,9	15	2,1
<b>TOÀN TRƯỜNG</b>		<b>3175</b>	<b>1573</b>	<b>49,5</b>	<b>999</b>	<b>31,5</b>	<b>487</b>	<b>15,3</b>	<b>3059</b>	<b>96,3</b>	<b>116</b>	<b>3,7</b>

ĐƠN VỊ	LOẠI	TSHS	TỐT		KHÁ		ĐẠT		ĐẠT YÊU CẦU		CHƯA ĐẠT	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
XUÂN THỚI THƯỢNG	KQ RÈN LUYỆN 6	768	719	93,6	44	5,7	4	0,5	767	99,9	1	0,1
XUÂN THỚI THƯỢNG	KQ RÈN LUYỆN 7	811	662	81,6	128	15,8	21	2,6	811	100,0		0,0
XUÂN THỚI THƯỢNG	KQ RÈN LUYỆN 8	877	749	85,4	94	10,7	29	3,3	872	99,4	5	0,6
XUÂN THỚI THƯỢNG	KQ RÈN LUYỆN 9	719	632	87,9	82	11,4	5	0,7	719	100,0		0,0
<b>TOÀN TRƯỜNG</b>		<b>3175</b>	<b>2762</b>	<b>87,0</b>	<b>348</b>	<b>11,0</b>	<b>59</b>	<b>1,9</b>	<b>3169</b>	<b>99,8</b>	<b>6</b>	<b>0,2</b>



TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

**ĐIỂM THI TỔNG HỢP CÁC MÔN HỌC KỲ I  
NĂM HỌC 2025 - 2026**

XTT	MÔN	TSHS	GIOI(>=8)		KHA(>=6.5 đến 7.9)		TRUNG BÌNH(>=5 đến 6.4)		ĐẠT YÊU CẦU		YẾU(>=3.5 đến 4.9)		KÉM(<3.5)		KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	%	SL	TL	SL	TL	SL	%
XTT	TOÁN6	768	364	47,40%	209	27,21%	111	14,45%	684	89,06%	56	7,29%	28	3,65%	84	10,94%
XTT	TOÁN7	811	318	39,21%	196	24,17%	148	18,25%	662	81,63%	100	12,33%	49	6,04%	149	18,37%
XTT	TOÁN8	877	405	46,18%	292	33,30%	122	13,91%	819	93,39%	42	4,79%	16	1,82%	58	6,61%
XTT	TOÁN9	719	193	26,84%	244	33,94%	201	27,96%	638	88,73%	56	7,79%	25	3,48%	81	11,27%
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>1.280</b>	<b>40,31%</b>	<b>941</b>	<b>29,64%</b>	<b>582</b>	<b>18,33%</b>	<b>2803</b>	<b>88,28%</b>	<b>254</b>	<b>8,00%</b>	<b>118</b>	<b>3,72%</b>	<b>372</b>	<b>11,72%</b>
XTT	VĂN6	768	617	80,34	104	13,54	33	4,30	754	98,18%	9	1,17	5	0,65	14	1,82%
XTT	VĂN7	811	551	67,94	144	17,76	75	9,25	770	94,94%	31	3,82	10	1,23	41	5,06%
XTT	VĂN8	877	682	77,77	148	16,88	33	3,76	863	98,40%	10	1,14	4	0,46	14	1,60%
XTT	VĂN9	719	577	80,25	97	13,49	39	5,42	713	99,17%	4	0,56	2	0,28	6	0,83%
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>2.427</b>	<b>76,44</b>	<b>493</b>	<b>15,53</b>	<b>180</b>	<b>5,67</b>	<b>3100</b>	<b>97,64%</b>	<b>54</b>	<b>1,70</b>	<b>21</b>	<b>0,66</b>	<b>75</b>	<b>2,36%</b>
XTT	T.ANH6	768	287	37,37	192	25,00	149	19,40	628	81,77%	97	12,63	43	5,60	140	18,23%
XTT	T.ANH7	811	323	39,83	210	25,89	150	18,50	683	84,22%	101	12,45	27	3,33	128	15,78%
XTT	T.ANH8	877	410	46,75	236	26,91	163	18,59	809	92,25%	59	6,73	9	1,03	68	7,75%
XTT	T.ANH9	719	368	51,18	213	29,62	94	13,07	675	93,88%	38	5,29	6	0,83	44	6,12%
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>1.388</b>	<b>43,72</b>	<b>851</b>	<b>26,80</b>	<b>556</b>	<b>17,51</b>	<b>2795</b>	<b>88,03%</b>	<b>295</b>	<b>9,29</b>	<b>85</b>	<b>2,68</b>	<b>380</b>	<b>11,97%</b>
XTT	GDCĐ6	768	661	86,07	92	11,98	14	1,82	767	99,87%	1	0,13	-	-	1	0,13%
XTT	GDCĐ7	811	705	86,93	79	9,74	24	2,96	808	99,63%	3	0,37	-	-	3	0,37%
XTT	GDCĐ8	877	674	76,85	149	16,99	49	5,59	872	99,43%	3	0,34	2	0,23	5	0,57%
XTT	GDCĐ9	719	603	83,87	102	14,19	14	1,95	719	100,00%	-	-	-	-	0	0,00%
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>2.643</b>	<b>83,24</b>	<b>422</b>	<b>13,29</b>	<b>101</b>	<b>3,18</b>	<b>3166</b>	<b>99,72%</b>	<b>7</b>	<b>0,22</b>	<b>2</b>	<b>0,06</b>	<b>9</b>	<b>0,28%</b>
XTT	C.NGHỆ6	768	650	84,64	81	10,55	37	4,82	768	100,00%	-	-	-	-	0	0,00%
XTT	C.NGHỆ7	811	553	68,19	116	14,30	78	9,62	747	92,11%	44	5,43	20	2,47	64	7,89%
XTT	C.NGHỆ8	877	567	64,65	181	20,64	99	11,29	847	96,58%	23	2,62	7	0,80	30	3,42%
XTT	C.NGHỆ9	719	550	76,50	122	16,97	36	5,01	708	98,47%	11	1,53	-	-	11	1,53%
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>2.320</b>	<b>73,07</b>	<b>500</b>	<b>15,75</b>	<b>250</b>	<b>7,87</b>	<b>3070</b>	<b>96,69%</b>	<b>78</b>	<b>2,46</b>	<b>27</b>	<b>0,85</b>	<b>105</b>	<b>3,31%</b>
XTT	TIN6	768	536	69,79	141	18,36	71	9,24	748	97,40%	18	2,34	2	0,26	20	2,60%
XTT	TIN7	811	376	46,36	150	18,50	168	20,72	694	85,57%	83	10,23	34	4,19	117	14,43%
XTT	TIN8	877	472	53,82	190	21,66	145	16,53	807	92,02%	57	6,50	13	1,48	70	7,98%
XTT	TIN9	719	601	83,59	83	11,54	30	4,17	714	99,30%	4	0,56	1	0,14	5	0,70%
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>1.985</b>	<b>62,52</b>	<b>564</b>	<b>17,76</b>	<b>414</b>	<b>13,04</b>	<b>2963</b>	<b>93,32%</b>	<b>162</b>	<b>5,10</b>	<b>50</b>	<b>1,57</b>	<b>212</b>	<b>6,68%</b>
XTT	KHTN 6	768	481	62,63	221	28,78	59	7,68	761	99,09%	6	0,78	1	0,13	7	0,91%
XTT	KHTN 7	811	365	45,01	228	28,11	118	14,55	711	87,67%	82	10,11	18	2,22	100	12,33%
XTT	KHTN 8	877	531	60,55	189	21,55	99	11,29	819	93,39%	51	5,82	7	0,80	58	6,61%
XTT	KHTN 9	719	464	64,53	184	25,59	60	8,34	708	98,47%	10	1,39	1	0,14	11	1,53%
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>1.841</b>	<b>57,98</b>	<b>822</b>	<b>25,89</b>	<b>336</b>	<b>10,58</b>	<b>2999</b>	<b>94,46%</b>	<b>149</b>	<b>4,69</b>	<b>27</b>	<b>0,85</b>	<b>176</b>	<b>5,54%</b>
XTT	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 6	768	621	80,86	91	11,85	45	5,86	757	98,57%	9	1,17	2	0,26	11	1,43%
XTT	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 7	811	451	55,61	166	20,47	114	14,06	731	90,14%	54	6,66%	26	3,21%	80	9,86%
XTT	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 8	877	759	86,55	82	9,35	28	3,19	869	99,09%	7	0,79%	1	0,11%	8	0,91%
XTT	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 9	719	469	65,23	153	21,28	65	9,04	687	95,55%	27	3,76%	5	0,69%	32	4,45%
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>2.300</b>	<b>72,44</b>	<b>492</b>	<b>15,50</b>	<b>504</b>	<b>14,06</b>	<b>3044</b>	<b>95,87%</b>	<b>194</b>	<b>6,11%</b>	<b>68</b>	<b>2,14%</b>	<b>131</b>	<b>4,13%</b>
XTT	GDTC 6	768	-	-	-	-	-	-	768	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	GDTC 7	811	-	-	-	-	-	-	811	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	GDTC 8	877	-	-	-	-	-	-	877	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	GDTC 9	719	-	-	-	-	-	-	719	100,00	-	-	-	-	-	-
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3175</b>	<b>100,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
XTT	HĐTNHN 6	768	-	-	-	-	-	-	768	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	HĐTNHN 7	811	-	-	-	-	-	-	811	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	HĐTNHN 8	877	-	-	-	-	-	-	877	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	HĐTNHN 9	719	-	-	-	-	-	-	719	100,00	-	-	-	-	-	-
<b>TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>3175</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3175</b>	<b>100,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
XTT	GĐDP 6	768	-	-	-	-	-	-	768	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	GĐDP 7	811	-	-	-	-	-	-	811	100,00	-	-	-	-	-	-



XTT	GDP 8	877	-	-	-	-	-	-	877	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	GDP 9	719	-	-	-	-	-	-	719	100,00	-	-	-	-	-	-
TOAN TRUONG		3175	-	-	-	-	-	-	3175	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	NGHE THUAT 6	768	-	-	-	-	-	-	768	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	NGHE THUAT 7	811	-	-	-	-	-	-	811	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	NGHE THUAT 8	877	-	-	-	-	-	-	877	100,00	-	-	-	-	-	-
XTT	NGHE THUAT 9	719	-	-	-	-	-	-	719	100,00	-	-	-	-	-	-
TOAN TRUONG		3175	-	-	-	-	-	-	3175	100,00	-	-	-	-	-	-





TRƯỜNG THCS XUÂN THỜI THƯỢNG

TRƯỜNG TIẾP THÔNG KÊ XEP LOẠI HỌC LỰC THEO ĐIỂM TRUNG BÌNH CÁC MÔN

TRUNG HỌC CƠ SỞ

NĂM HỌC

2025 - 2026

HỌC KỲ I

ĐƠN VỊ	MÔN	TSHS	GIỎI(>=8)		KHA(>=6.5 đến 7.9)		TƯƠNG ĐƯƠNG(>=5 đến 5.9)		ĐẠT YÊU CẦU		YẾU(>=3.5 đến 4.9)		KÉM(<3.5)		CHƯA ĐẠT YÊU CẦU	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
XTT	TOÁN 6	768	410	53,39	213	27,73	99	12,89	722	94,01	36	4,69	10	1,30	46	5,99
XTT	TOÁN 7	811	360	44,39	210	25,89	165	20,35	735	90,63	62	7,64	14	1,73	76	9,37
XTT	TOÁN 8	877	433	49,37	268	30,56	132	15,05	833	94,98	40	4,56	4	0,46	44	5,02
XTT	TOÁN 9	719	335	46,59	237	32,96	111	15,44	683	94,99	27	3,76	9	1,25	36	5,01
	<b>TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>3175</b>	<b>1.538</b>	<b>48,44</b>	<b>928</b>	<b>29,23</b>	<b>507</b>	<b>15,97</b>	<b>2.973</b>	<b>93,64</b>	<b>165</b>	<b>5,20</b>	<b>37</b>	<b>1,17</b>	<b>202</b>	<b>6,36</b>
XTT	VĂN 6	768	520	67,71	194	25,26	41	5,34	755	98,31	13	1,69	-	-	13	1,69
XTT	VĂN 7	811	507	62,52	204	25,15	84	10,36	795	98,03	14	1,73	2	0,25	16	1,97
XTT	VĂN 8	877	491	55,99	303	34,55	69	7,87	863	98,40	12	1,37	2	0,23	14	1,60
XTT	VĂN 9	719	432	60,08	222	30,88	58	8,07	712	99,03	7	0,97	-	-	7	0,97
	<b>TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>3175</b>	<b>1.950</b>	<b>61,42</b>	<b>923</b>	<b>29,07</b>	<b>252</b>	<b>7,94</b>	<b>3.125</b>	<b>98,43</b>	<b>46</b>	<b>1,45</b>	<b>4</b>	<b>0,13</b>	<b>50</b>	<b>1,57</b>
XTT	T.ANH 6	768	320	41,67	190	24,74	158	20,57	668	86,98	74	9,64	26	3,39	100	13,02
XTT	T.ANH 7	811	335	41,31	233	28,73	149	18,37	717	88,41	81	9,99	13	1,60	94	11,59
XTT	T.ANH 8	877	360	41,05	306	34,89	173	19,73	839	95,67	35	3,99	3	0,34	38	4,33
XTT	T.ANH 9	719	362	50,35	234	32,55	97	13,49	693	96,38	26	3,62	-	-	26	3,62
	<b>TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>3175</b>	<b>1.377</b>	<b>43,37</b>	<b>963</b>	<b>30,33</b>	<b>577</b>	<b>18,17</b>	<b>2.917</b>	<b>91,87</b>	<b>216</b>	<b>6,80</b>	<b>42</b>	<b>1,32</b>	<b>258</b>	<b>8,13</b>
XTT	GDCD 6	768	680	88,54	78	10,16	9	1,17	767	99,87	1	0,13	-	-	1	0,13
XTT	GDCD 7	811	681	83,97	117	14,43	13	1,60	811	100,00	-	-	-	-	0	0,00
XTT	GDCD 8	877	689	78,56	164	18,70	23	2,62	876	99,89	1	0,11	-	-	1	0,11
XTT	GDCD 9	719	608	84,56	106	14,74	5	0,70	719	100,00	-	-	-	-	0	0,00
	<b>TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>3175</b>	<b>2.658</b>	<b>83,72</b>	<b>465</b>	<b>14,65</b>	<b>50</b>	<b>1,57</b>	<b>3.173</b>	<b>99,94</b>	<b>2</b>	<b>0,06</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>0,06</b>
XTT	C.NGHỆ 6	768	660	85,94	81	10,55	27	3,52	768	100,00	-	-	-	-	0	0,00
XTT	C.NGHỆ 7	811	528	65,10	145	17,88	101	12,45	774	95,44	33	4,07	4	0,49	37	4,56
XTT	C.NGHỆ 8	877	519	59,18	219	24,97	112	12,77	850	96,92	27	3,08	-	-	27	3,08
XTT	C.NGHỆ 9	719	512	71,21	168	23,37	36	5,01	716	99,58	3	0,42	-	-	3	0,42
	<b>TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>3175</b>	<b>2.219</b>	<b>69,89</b>	<b>613</b>	<b>19,31</b>	<b>276</b>	<b>8,69</b>	<b>3.108</b>	<b>97,89</b>	<b>63</b>	<b>1,98</b>	<b>4</b>	<b>0,13</b>	<b>67</b>	<b>2,11</b>
XTT	TIN6	768	515	67,06	175	22,79	73	9,51	763	99,35	4	0,52	1	0,13	5	0,65
XTT	TIN7	811	418	51,54	220	27,13	151	18,62	789	97,29	21	2,59	1	0,12	22	2,71
XTT	TIN8	877	493	56,21	255	29,08	114	13,00	862	98,29	12	1,37	3	0,34	15	1,71
XTT	TIN9	719	573	79,69	113	15,72	29	4,03	715	99,44	4	0,56	-	-	4	0,56
	<b>TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>3175</b>	<b>1.999</b>	<b>62,96</b>	<b>763</b>	<b>24,03</b>	<b>367</b>	<b>11,56</b>	<b>3.129</b>	<b>98,55</b>	<b>41</b>	<b>1,29</b>	<b>5</b>	<b>0,16</b>	<b>46</b>	<b>1,45</b>
XTT	KHTN 6	768	548	71,35	185	24,09	31	4,04	764	99,48	4	0,52	-	-	4	0,52
XTT	KHTN 7	811	429	52,90	248	30,58	107	13,19	784	96,67	27	3,33	-	-	27	3,33
XTT	KHTN 8	877	489	55,76	241	27,48	132	15,05	862	98,29	12	1,37	3	0,34	15	1,71
XTT	KHTN 9	719	422	58,69	230	31,99	66	9,18	718	99,86	1	0,14	-	-	1	0,14
	<b>TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>3175</b>	<b>1.888</b>	<b>59,46</b>	<b>904</b>	<b>28,47</b>	<b>336</b>	<b>10,58</b>	<b>3.128</b>	<b>98,52</b>	<b>44</b>	<b>1,39</b>	<b>3</b>	<b>0,09</b>	<b>47</b>	<b>1,48</b>
XTT	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 6	768	613	79,82	122	15,89	27	3,52	762	99,22	6	0,78	-	-	6	0,78
XTT	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 7	811	569	70,16	149	18,37	72	8,89	790	97,41	20	2,47	1	0,12	21	2,59
XTT	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 8	877	662	75,48	165	18,81	43	4,90	870	99,20	7	0,80	-	-	7	0,80
XTT	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 9	719	489	68,15	151	20,99	69	9,59	709	98,61	10	1,39	-	-	10	1,39
	<b>TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>3175</b>	<b>2.333</b>	<b>73,48</b>	<b>587</b>	<b>18,49</b>	<b>211</b>	<b>6,65</b>	<b>6262</b>	<b>98,61</b>	<b>43</b>	<b>1,35</b>	<b>1</b>	<b>0,03</b>	<b>44</b>	<b>1,39</b>
<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>MÔN</b>	<b>TSHS</b>	<b>ĐẠT</b>		<b>CHƯA ĐẠT</b>											
XTT	GDTC 6	768	768													



XTT	GDTC 7	811	811		
XTT	GDTC 8	877	877		
XTT	GDTC 9	719	719		
<b>TOAN TRUONG</b>		<b>3175</b>	<b>3175</b>		
XTT	HĐTNHN 6	768	768		
XTT	HĐTNHN 7	811	811		
XTT	HĐTNHN 8	877	877		
XTT	HĐTNHN 9	719	719		
<b>TOAN TRUONG</b>		<b>3175</b>	<b>3175</b>		
XTT	GĐĐP 6	768	768		
XTT	GĐĐP 7	811	811		
XTT	GĐĐP 8	877	877		
XTT	GĐĐP 9	719	719		
<b>TOAN TRUONG</b>		<b>3175</b>	<b>3175</b>		
XTT	NGHỆ THUẬT 6	768	768		
XTT	NGHỆ THUẬT 7	811	811		
XTT	NGHỆ THUẬT 8	877	877		
XTT	NGHỆ THUẬT 9	719	719		
<b>TOAN TRUONG</b>		<b>3175</b>	<b>3175</b>		



**TRƯỜNG THCS XUÂN THỚI THƯỢNG**

**SỐ LIỆU HỌC SINH**

**HỌC KỲ Năm học: 2025 - 2026**



ĐƠN VỊ	KHỐI LỚP	SỐ HS ĐẦU NĂM		SỐ HS CHUYỂN ĐẾN		SỐ HS CHUYỂN ĐI		SỐ HS BỎ HỌC		SỐ HS CUỐI NĂM	
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
XUÂN THỚI THƯỢNG	6	771	370					3	1	768	369
XUÂN THỚI THƯỢNG	7	814	363	1	1	1		3	1	811	363
XUÂN THỚI THƯỢNG	8	881	428			4	3			877	425
XUÂN THỚI THƯỢNG	9	721	362			1	1	1		719	361
XUÂN THỚI THƯỢNG	Tổng cộng	3187	1523	1	1	6	4	7	2	3175	1518

**SỐ LIỆU CÁN BỘ, QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN**

ĐƠN VỊ	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ chuyên môn					Ghi chú	
				Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác		
XUÂN THỚI THƯỢNG	CBQL	3	2	3						
XUÂN THỚI THƯỢNG	Giáo viên	111	83	11	99	2			Biên chế:	111
									Hợp đồng:	0
XUÂN THỚI THƯỢNG	Nhân viên	20	15		3	2	5	10	Biên chế:	5
									Hợp đồng:	15
XUÂN THỚI THƯỢNG	TPT đội	1			1				Biên chế:	1
									Hợp đồng:	0
XUÂN THỚI THƯỢNG	Tổng cộng	135	100	14	103	4	5	10	Biên chế:	120
									Hợp đồng:	15